

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *93618* /CT-TTHT
V/v hoàn thuế TNCN khi cá
nhân thay đổi tình trạng cư trú

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Ông Shinichi Murata
(Địa chỉ: Phòng 302, V-Tower, 649 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội;
MST: 8540486565)

Trả lời công văn 1-2020/CV ngày 12/10/2020 của Ông Shinichi Murata về thuế TNCN, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, hướng dẫn như sau:

+ Tại Điều 1 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính) quy định về người nộp thuế:

“Điều 1. Người nộp thuế

...Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của người nộp thuế như sau:

Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập;

Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng) không phải thực hiện các thủ tục xác nhận lãnh sự để được thực hiện không thu thuế trùng hai lần theo Hiệp định tránh đánh thuế trùng giữa hai quốc gia.

Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

1. Cá nhân cư trú là người đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam, trong đó ngày đến và ngày đi được tính là một (01) ngày. Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu (hoặc giấy thông hành) của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam. Trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú...



b) Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:...

2. Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng điều kiện nêu tại khoản 1, Điều này...”

+ Tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn:

“Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nhân (x) với thuế suất 20%”.

- Căn cứ Điều 23 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 sửa đổi bổ sung Điều 53 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoàn thuế thu nhập cá nhân như sau:

“Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 Thông tư số 156/2013/TT-BTC như sau:

“Điều 53. Hoàn thuế thu nhập cá nhân

Việc hoàn thuế thu nhập cá nhân chỉ áp dụng đối với những cá nhân đã có mã số thuế tại thời điểm đề nghị hoàn thuế.

Đối với cá nhân đã uỷ quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện quyết toán thay thì việc hoàn thuế của cá nhân được thực hiện thông qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập.

Cá nhân trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế nếu có số thuế nộp thừa thì được hoàn thuế, hoặc bù trừ với số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo.

1. Hoàn thuế đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện quyết toán thay cho các cá nhân có uỷ quyền quyết toán thuế.

Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập sau khi bù trừ số thuế nộp thừa, nộp thiếu của các cá nhân mà có số thuế nộp thừa, nếu đề nghị cơ quan thuế hoàn trả thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập nộp hồ sơ hoàn thuế cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Hồ sơ hoàn thuế bao gồm:

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này.

- Bản chụp chứng từ, biên lai nộp thuế thu nhập cá nhân và người đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân trả thu nhập ký cam kết chịu trách nhiệm tại bản chụp đó.

2. Đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế nếu có số thuế nộp thừa thì cá nhân không phải nộp hồ sơ hoàn thuế mà chỉ cần ghi số thuế đề nghị hoàn vào chỉ tiêu [47] - “Số thuế hoàn trả vào tài khoản NNT” hoặc chỉ tiêu [49] - “Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau” tại tờ khai quyết toán thuế theo mẫu số 02/QTT-TNCN khi quyết toán thuế.”

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn như sau:

Trường hợp Ông Shinichi Murata là người Nhật Bản đến Việt Nam từ tháng 8/2018 và trở về Nhật Bản ngày 15/4/2020, trong năm 2020 Ông Shinichi Murata có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày và không đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú tại Việt Nam theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) thì thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương tiền công phát sinh tại Việt Nam của Ông Shinichi Murata áp dụng thuế suất 20%.

Việc thay đổi tình trạng cư trú đã dẫn đến số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp thì Ông Shinichi Murata thực hiện hoàn thuế theo hướng dẫn tại Điều 53 Thông tư số 156/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 23 Thông tư số 92/2015/TT-BTC).

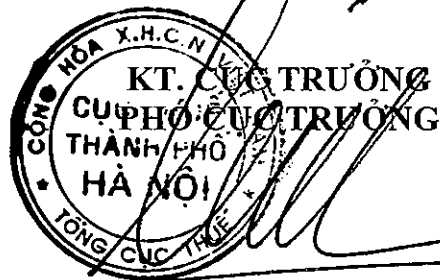
Đề nghị Ông Shinichi Murata căn cứ vào tình hình thực tế và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với quyếtPhòng Quản lý hộ kinh doanh, cá nhân và thu khác để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTK;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2).



Nguyễn Tiến Trường

